THÁNG 1/2016

ASA

BẢN TIN VĂN BẢN

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI THÔNG TƯ SỐ 195/2015/TT-BTC NGÀY 24/11/2015 VÀ CÔNG VĂN 5362/TCT-CS NGÀY 14/12/2015 1

THÔNG TƯ SỐ 53/2016/TT-BTC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 200/2014/TT-BTC HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 2

CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH 122/2015/NĐ-CP ĐIỀU CHỈNH TĂNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG. NGHỊ ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2016 3

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM 3

LUẬT KẾ TOÁN SỐ 88/2015/QH13 ĐÃ ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA NGÀY 20/11/2015, CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY 01/07/2017, THAY THẾ LUẬT KẾ TOÁN 2003 4

ĐÓNG BẢO HIỂM CHƯA ĐỦ 1 NĂM ĐƯỢC HƯỞNG BHXH MỘT LẦN TỐI ĐA 2 THÁNG LƯƠNG 6

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ 6

HƯỚNG DẪN VỀ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TẠI THÔNG TƯ SỐ 195/2015/TT-BTC NGÀY 24/11/2015 VÀ CÔNG VĂN 5362/TCT-CS NGÀY 14/12/2015

Thông tư và Công văn hướng dẫn cụ thể các điểm đã nêu tại Nghị định 108/2015/NĐ-CP. Chi tiết những hướng dẫn có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016 của Thông tư như sau:

Quy định rõ khái niệm "cơ sở kinh doanh thương mại" (là đơn vị bán hàng cho cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở sản xuất chịu thuế TTĐB) phải là cơ sở không có quan hệ mẹ, con hoặc công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở nhập khẩu, cơ sở sản xuất, là cơ sở đầu tiên trong khâu lưu thông, thương mại và phải có hợp đồng mua bán hàng hóa với các cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc với công ty mẹ, công ty con cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu;

Bổ sung các quy định mới về khấu trừ thuế TTĐB: số thuế TTĐB chưa được khấu trừ hết trong kỳ sẽ được khấu trừ vào kỳ tiếp theo, số thuế TTĐB không được khấu trừ hết do nguyên nhân khách quan bất khả kháng thì người nộp thuế được hạch toán vào chi phí để tính thuế TNDN. Riêng đối với xăng sinh học, số thuế TTĐB được khấu trừ của kỳ khai thuế được căn cứ vào số thuế TTĐB đã nộp hoặc đã trả trên một đơn vị nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề của xăng khoáng để sản xuất xăng sinh học;

Chứng từ để làm căn cứ khấu trừ thuế TTĐB là chứng từ nộp thuế TTĐB khâu nhập khẩu (đối với trường hợp nhập khẩu nguyên vật liệu để sản xuất hàng hóa chịu thuế TTĐB hoặc nhập khẩu hàng hóa chịu thuế TTĐB) hoặc Hợp đồng mua bán hàng hóa với cơ sở bán hàng trực tiếp sản xuất, Chứng từ thanh toán qua ngân hàng, Hóa đơn GTGT (đối với trường hợp mua nguyên vật liệu của nhà sản xuất trong nước);

Thuế TTĐB phải nộp = Thuế TTĐB bán ra trong kỳ - Số thuế TTĐB đã nộp (với NVL, hàng hóa ở khâu nhập khẩu) hoặc đã trả (ở khâu nguyên liệu mua vào) tương ứng với số hàng hóa được bán ra trong kỳ;

Đối với doanh nghiệp sản xuất xăng sinh học E5, E10: thực hiện kê khai, nộp thuế tại cơ quan thuế địa phương nơi đóng trụ sở chính. Số thuế chưa được khấu trừ hết của xăng E5, E10 được bù trừ với số thuế TTĐB phải nộp của hàng hóa, dịch vụ khác;

Thông tư này thay thế Thông tư số 05/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính và có hiệu lực cùng ngày với hiệu lực của Nghị định 108/2015/NĐ-CP.

THÔNG TƯ SỐ 53/2016/TT-BTC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THÔNG TƯ SỐ 200/2014/TT-BTC HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 21/03/2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Sau đây là một số nội dung được quy định trong Thông tư:

1. Điểm g Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 200/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung như sau:

g) Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo một trong các phương pháp nhập trước xuất trước hoặc bình quân gia quyền.

Doanh nghiệp phải áp dụng nhất quán phương pháp đã chọn để tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh trong năm tài chính. Trường hợp thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh, doanh nghiệp phải trình bày và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán".

Thay cụm từ "giá vốn bình quân gia quyền" và "giá trị ghi sổ của cổ phiếu mang đi trao đổi tính theo phương pháp bình quân gia quyền" bằng cụm từ "giá vốn tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Khoản 1.3 Điều 69 Thông tư số 200/2014/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung như sau: "1.3. Nguyên tắc xác định tỷ giá hối đoái:

a) Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế: Khi ghi nhận Khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn; Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời Điểm giao dịch; Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời Điểm giao dịch; Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các Khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài Khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Ngoài tỷ giá giao dịch thực tế nêu trên, doanh nghiệp có thể lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/- 1% so với tỷ giá mua bán chuyển Khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển Khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

b) Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời Điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời Điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời Điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

- Trường hợp doanh nghiệp sử dụng tỷ giá xấp xỉ quy định tại Điểm a Khoản này để hạch toán các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kế toán doanh nghiệp sử dụng tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Tỷ giá chuyển khoản này có thể là tỷ giá mua hoặc bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại."

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2016. Các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng tỷ giá hối đoái quy định tại Điều 1 Thông tư này cho Báo cáo tài chính năm 2015.

CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH 122/2015/NĐ-CP ĐIỀU CHỈNH TĂNG MỨC LƯƠNG TỐI THIỂU ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG. NGHỊ ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/01/2016

Kể từ ngày 01/01/2016, mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động làm việc tại các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức thuê mướn lao động theo hợp đồng lao động được điều chỉnh tăng từ 250.000 đồng - 400.000 đồng so với mức lương tối thiểu hiện nay (tức tăng từ 11,6% - 12,9%), cụ thể như sau:

+ Vùng I: mức lương tối thiểu là 3.500.000 đồng/tháng tăng 400.000 so với năm 2014

+ Vùng II: mức lương tối thiểu là 3.100.000 đồng/tháng tăng 350.000 so với năm 2014

+ Vùng III: mức lương tối thiểu là 2.700.000 đồng/tháng tăng 300.000 so với năm 2014

+ Vùng IV: mức lương tối thiểu là 2.400.000 đồng/tháng tăng 250.000 so với năm 2014.

Mức lương tối thiểu trên là căn cứ để người sử dụng lao động và người lao động thỏa thuận về tiền lương, tiền công khi ký kết hợp đồng lao động, nhưng phải lưu ý một số vấn đề như sau:

- Mức tiền lương trả cho người lao động không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động chưa qua đào tạo làm công việc đơn giản nhất.

- Mức tiền lương thấp nhất trả cho người lao động đã qua học nghề (kể cả nghề do Doanh nghiệp đào tạo) phải cao hơn từ 7% trở lên so với mức lương tối thiểu vùng.

- Trường hợp doanh nghiệp có nhiều chi nhánh thì chi nhánh hoạt động trên địa bàn nào sẽ được áp dụng mức lương tối thiểu vùng quy định tại địa bàn đó.

Doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao mà thuộc nhiều địa bàn có mức lương tối thiểu vùng khác nhau thì áp dụng mức lương tối thiểu theo địa bàn có mức lương tối thiểu vùng cao nhất.

Ngoài ra, Doanh nghiệp không được xóa bỏ hoặc cắt giảm các chế độ khi người lao động làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, tiền lương hoặc phụ cấp làm việc trong điều kiện lao động nặng nhọc, độc hại ... và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

Ngày 14/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định 122/2015/NĐ-CP điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động theo hợp đồng lao động. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016 và sẽ thay thế nghị định 103/2014/NĐ-CP và các nghị định khác đã ban hành trước đó về vấn đề này.

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH TẠI VIỆT NAM

Nghị định số 07/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đã được Chính phủ ban hành ngày 25/01/2016; trong đó quy định một thương nhận nước ngoài không được thành lập nhiều hơn một văn phòng đại diện hoặc chi nhánh có cùng tên gọi trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Để được cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam, thương nhân nước ngoài phải được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên…; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên...

Đặc biệt, thương nhân nước ngoài cần phải hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện hoặc đã hoạt động ít nhất 05 năm đối với trường hợp đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh (nếu Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ. Cũng theo Nghị định này, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, Giấy phép thành lập chi nhánh của thương nhân nước ngoài có thời hạn 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài trong trường hợp giấy tờ đó có quy định về thời hạn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/03/2016.

LUẬT KẾ TOÁN SỐ 88/2015/QH13 ĐÃ ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA NGÀY 20/11/2015, CÓ HIỆU LỰC KỂ TỪ NGÀY 01/07/2017, THAY THẾ LUẬT KẾ TOÁN 2003

Trong đó một số điểm đổi mới căn bản, đáp ứng tình hình thực tế cũng như phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành cụ thể như sau:

Về nguyên tắc kế toán:

Bên cạnh nguyên tắc giá gốc, Luật Kế toán ***bổ sung thêm nguyên tắc ghi nhận theo giá trị hợp lý*** tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính đối với các trường hợp:

- Công cụ tài chính phải ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán;

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

- Các tài sản hoặc nợ phải trả khác có giá trị biến động thường xuyên và có thể xác định lại một cách đáng tin cậy.

Khi bán tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả thì việc xác định giá phải phù hợp với giá thị trường có thể nhận được tại thời điểm xác định giá trị.

Các quy định liên quan đến nội dung công tác kế toán:

- Về hình thức kế toán: Luật quy định rõ chỉ có 02 hình thức kế toán là kế toán quản trị và kế toán tài chính;

- Về chuẩn mực áp dụng: Người làm kế toán bên cạnh việc tuân thủ chuẩn mực kế toán cần tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán;

- Về đơn vị tính và chữ số sử dụng trong kế toán: bổ sung quy định được làm tròn số, sử dụng đơn vị tính rút gọn khi lập hoặc công khai Báo cáo tài chính, sử dụng dấu chấm (“.”) để phân tách giữa số hàng nghìn, triệu, tỷ. Riêng đối với doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp nước ngoài phải chuyển Báo cáo tài chính về công ty mẹ ở nước ngoài hoặc sử dụng chung phần mềm quản lý, thanh toán giao dịch với Công ty mẹ được sử dụng dấu phẩy (“,”) và phải chú thích trong tài liệu, sổ kế toán, báo cáo tài chính;

- Bổ sung quy định cụ thể về chứng từ điện tử: Trường hợp chứng từ điện tử được lưu trữ trên các phương tiện điện tử thì phải bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu và phải bảo đảm tra cứu được trong thời hạn lưu trữ. Khi chứng từ bằng giấy được chuyển thành chứng từ điện tử để giao dịch, thanh toán thì chứng từ điện tử có giá trị để thực hiện nghiệp vụ, chứng từ bằng giấy chỉ có giá trị lưu trữ để ghi sổ, theo dõi và kiểm tra, không có hiệu lực để giao dịch, thanh toán. Chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử và có giá trị như chữ ký trên chứng từ bằng giấy;

- Về báo cáo tài chính: bổ sung quy định về Báo cáo tài chính nhà nước (liên quan đến BCTC của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức và đơn vị liên quan khác thuộc khu vực nhà nước trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương). Bên cạnh đó, Luật vẫn giữ nguyên thời hạn công khai báo cáo tài chính năm là 120 ngày, tuy nhiên nếu pháp luật về chứng khoán, tín dụng, bảo hiểm có quy định cụ thể về hình thức, thời hạn công khai khác với quy định trên thì thực hiện theo quy định của pháp luật về lĩnh vực đó;

- Về kiểm tra báo cáo tài chính: Luật quy định chi tiết các cơ quan có thẩm quyền quyết định kiểm tra kế toán. Cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung kiểm tra kế toán trong quyết định kiểm tra, trừ cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành về tài chính, Kiểm toán nhà nước, cơ quan thuế. Thời gian kiểm tra kế toán không quá 10 ngày (không kể ngày nghỉ, ngày lễ) và trong trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc;

- Luật yêu cầu các đơn vị kế toán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị, đồng thời hướng dẫn chi tiết các yêu cầu thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ;

Các quy định về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán:

- Bổ sung quy định người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán phải chịu trách nhiệm liên đới đối với những sai phạm do người khác gây ra nhưng trong phạm vi quản lý của mình; trách nhiệm tổ chức kiểm tra kế toán trong nội bộ đơn vị và kiểm tra kế toán các đơn vị cấp dưới;

- Đối với quy định về người không được làm kế toán: Luật quy định rõ hơn các trường hợp cha nuôi, mẹ nuôi và con nuôi của người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu không được làm kế toán. Quy định cấm này không áp dụng đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu;

- Về kế toán trưởng: trong doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán giám sát tài chính tại đơn vị;

Các quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán:

- Về đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và kinh doanh dịch vụ kế toán: Luật quy định cụ thể các điều kiện về đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán cho kế toán viên, kiểm toán viên thông qua doanh nghiệp (hộ kinh doanh) kinh doanh dịch vụ kế toán, điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ kế toán (số lượng thành viên góp vốn là kế toán viên hành nghề, tỷ lệ góp vốn ….);

- Bên cạnh đó, Luật cũng quy định cụ thể về hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, thời hạn cấp, cấp lại Giấy chứng nhận, các trường hợp không được cung cấp dịch vụ kế toán và trách nhiệm của kiểm toán viên hành nghề, doanh nghiệp và hộ kinh doanh dịch vụ hành nghề kế toán. Luật cũng quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính liên quan đến việc cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, đình chỉ hành nghề và việc cập nhật kiến thức cho kế toán viên hành nghề;

- Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thành lập trước 01/01/2017, trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày này nếu không đảm bảo các điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán sẽ phải chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ này;

Những hành vi bị cấm:

Bên cạnh những quy định như Luật kế toán 2003, Luật 2015 bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm đối với kế toán và đơn vị dịch vụ kế toán như sau:

- Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn chứng chỉ kế toán viên, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức;

- Lập hai hệ thống sổ kế toán tài chính trở lên hoặc cung cấp, công bố các báo cáo tài chính có số liệu không đồng nhất trong cùng một kỳ kế toán;

- Kinh doanh dịch vụ kế toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc hành nghề dịch vụ kế toán khi không bảo đảm điều kiện quy định của Luật này;

- Sử dụng cụm từ "dịch vụ kế toán" trong tên gọi của doanh nghiệp trong trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc đã chấm dứt kinh doanh dịch vụ kế toán;

- Thuê cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện hành nghề, điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị mình;

- Kế toán viên hành nghề và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;

ĐÓNG BẢO HIỂM CHƯA ĐỦ 1 NĂM ĐƯỢC HƯỞNG BHXH MỘT LẦN TỐI ĐA 2 THÁNG LƯƠNG

Với người lao động vừa có thời gian đóng BHXH tự nguyện, vừa có thời gian đóng BHXH bắt buộc, mức hưởng BHXH một lần không bao gồm số tiền Nhà nước hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện của từng thời kỳ. Như vậy, việc tính mức hưởng BHXH một lần được thực hiện như người lao động không được Nhà nước hỗ trợ đóng BHXH, sau đó trừ đi số tiền Nhà nước hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện.

Về mức hưởng chế độ ốm đau, Thông tư quy định, người lao động nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH tháng đó; thời gian này cũng không được tính để hưởng BHXH. Trong thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp ốm đau do mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày, người lao động được hưởng bảo hiểm y tế do Quỹ BHXH đóng cho người lao động. Trường hợp đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm, nếu sức khỏe chưa phục hồi, người lao động sẽ được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc.

Cũng theo Thông tư này, tiền lương tháng đóng BHXH bắt buộc do người sử dụng lao động quyết định, không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác như: Tiền thưởng, tiền sáng kiến; Tiền ăn giữa ca; Các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; Hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn..

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2016.

Theo Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) về BHXH bắt buộc, mức hưởng BHXH một lần của người lao động có thời gian đóng BHXH chưa đủ 01 năm được tính bằng 22% các mức tiền lương đã đóng BHXH, tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH.

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

Công văn số 5136/TCT-KK ngày 04/12/2015 về kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hóa đơn bỏ sót trong thời điểm hiệu lực của Thông tư 06/2012/TT-BTC : thời gian để doanh nghiệp kê khai, khấu trừ bổ sung các hóa đơn này tối đa là 06 tháng, kể từ tháng phát sinh hóa đơn bỏ sót. Đến thời điểm Thông tư 219/2013/TT-BTC có hiệu lực, nếu các hóa đơn này vẫn chưa quá thời hạn kê khai bổ sung thì doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ bổ sung các hóa đơn này trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Công văn số 5274/TCT-TNCN ngày 09/12/2015 về thuế TNCN đối với khoản chi tiền điện thoại chi trả cho nhân viên hàng tháng được coi là khoản khoán chi điện thoại, có quy định tại Hợp đồng lao động, được thực hiện theo chính sách của công ty và phù hợp với mức xác định thu nhập chịu TNDN thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của nhân viên.

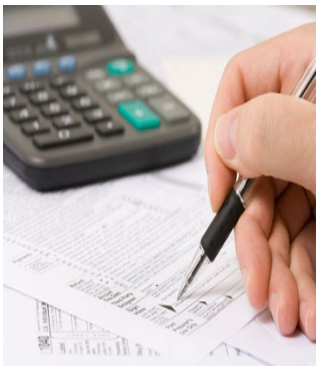

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

Công văn số 5456/TCT-CS ngày 18/12/2015 về thuế GTGT đối với trường hợp lập hóa đơn sai tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 26/2015/TT-BTC từ ngày 01/01/2015

Theo đó, người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót. Trường hợp doanh nghiệp có số lượng hóa đơn cần phải điều chỉnh quá lớn thì có thể lập một hóa đơn điều chỉnh cho nhiều hóa đơn đối với từng khách hàng, trên cơ sở hàng hóa, dịch vụ có cùng thuế suất thuế GTGT.

Công văn số 410/TCT-KK ngày 27/01/2016 về xử lý vướng mắc trong xử lý hóa đơn bất hợp pháp:

Nếu sử dụng hóa đơn trong thời gian cơ quan Thuế có quyết định cưỡng chế nợ thuế bằng hình thức thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng, trường hợp này bị coi là sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và sẽ bị truy thu số thuế phát sinh, các hóa đơn nêu trên không có giá trị sử dụng, đơn vị bán hàng và mua hàng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Bên mua hàng không được kê khai khấu trừ thuế GTGT và tính chi phí hợp lý khi xác định thuế TNDN, bên bán hàng và bên mua hàng phải lập biên bản thu hồi các hóa đơn đã lập sai quy định.

Sau khi quyết định cưỡng chế nợ thuế hết hiệu lực thi hành hoặc bãi bỏ, nếu cơ quan thuế xác minh thực tế có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thì đơn vị bán hàng xuất hóa đơn, căn cứ các hóa đơn này đơn vị bán hàng, mua hàng thực hiện kê khai thuế theo quy định.

Về việc kê khai, tính thuế trong thời gian cưỡng chế hóa đơn: Người nộp thuế vẫn phải kê khai thuế theo quy định trong thời gian cưỡng chế hóa đơn.

Công văn số 319/TCT-CS ngày 22/01/2016 về chính sách thuế TNDN: Trường hợp Công ty đã xác định doanh thu, giá vốn và chi phí bán hàng của từng hoạt động, phân bố các khoản chi phí chung cho từng hoạt động theo doanh thu thì Công ty đủ cơ sở để xác định riêng thu nhập của từng hoạt động làm căn cứ xác định số thuế TNDN được miễn, giảm theo quy định, không phân bổ thu nhập của từng hoạt động theo doanh thu.

Công văn số 81/TCT-DNL ngày 07/01/2016 về hướng dẫn kê khai thuế GTGT đối với các Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa bàn với Trụ sở chính, thực hiện thông báo phát hành và sử dụng hóa đơn riêng nhưng không có nhu cầu kê khai thuế GTGT riêng thì sẽ được tổng hợp, kê khai thuế GTGT tại trụ sở chính. Trụ sở chính có trách nhiệm tổng hợp khai thuế GTGT chung cho cả đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa bàn.

Công văn số 5690/TCT-KK ngày 31/12/2015 về việc hoàn thuế đối với dự án đầu tư: Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có dự án đầu tư tại tỉnh khác, toàn bộ chi phí đầu vào của dự án do DN thực hiện, DN trực tiếp quản lý dự án, tất cả hóa đơn liên quan đến dự án đều đứng tên DN: DN thực hiện kê khai thuế GTGT dành cho dự án đầu tư tại nơi đặt trụ sở chính, được kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động SXKD đang thực hiện và được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư theo quy định tại cơ quan Thuế quản lý trụ sở chính.

Khi dự án đầu tư hoàn thành, Chi nhánh tại tỉnh tiếp quản dự án và tổ chức hạch toán kế toán thì DN phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho Chi nhánh kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh.

Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0919 858 626

Email: vietdq.audit@gmail.com

Bà: Trương Thị Hải Vân

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0904 787 763

Email: vantth@asa-audit.com

VĂN PHÒNG:

P1107, tòa 262 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội

Phone: 04 3858 1122

Fax: 04 3858 5533

Email: contact@asa-audit.com

Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hang, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.